TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số I đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tất T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số E đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tất T tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, ông T không phụ cấp nuôi hai con chung, không quan tâm, chăm sóc gì đến con, không quan tâm cuộc sống chung vợ chồng. Bà và ông T ly thân từ năm 2021 đến nay. Tình cảm không còn, bà

yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tất Minh H1, sinh ngày 28/10/2011 và Nguyễn Tất Minh K, sinh ngày 28/12/2015 đang sinh sống cùng vưới bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên toà đối với bị đơn là ông Nguyễn Tất T nhưng ông T vắng mặt, không có lý do.

Do ông T vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông T vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông T. Về con chung: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tất Minh H1, sinh ngày 28/10/2011 và Nguyễn Tất Minh K, sinh ngày 28/12/2015; ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông T, ông T có địa chỉ cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông T theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc"*. Bị đơn ông T không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.2] Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H và ông T chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2011 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm, đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc, không phụ cấp nuôi con. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay.

Theo Công văn số 24/VP ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Hồ Chí Minh: Mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Phan Thị Thanh H và ông Nguyễn Tất T địa phương không nắm rõ, do các đương sự không trình báo.

Hơn nữa, ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không trình bày ý kiến, không thể hiện gì về việc níu kéo hạnh phúc gia

đình. Cuộc sống giữa vợ chồng bà H và ông T không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tạo điều kiện cho nhau phát triển, ông T bỏ mặc bà H, không có sự quan tâm gì đến bà H và hai con, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Như vậy, hôn nhân bà H và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2011 không còn giá trị pháp lý.

[2.3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tất Minh H1, sinh ngày 28/10/2011 và Nguyễn Tất Minh K, sinh ngày 28/12/2015. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Xét thấy:

Hai con chung từ khi sinh ra đến nay sống trực tiếp với mẹ là bà H và cả hai con có nguyện vọng được sống với mẹ nên bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con có cở sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng cho hai con 6.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H thay đổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết và ông T không đến Tòa trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà H chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057971 ngày 22/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Điều 91, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Tất T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2011 quyển số 01/2011 ngày 02/4/2011 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Phan Thị Thanh H và ông Nguyễn Tất T có 02 con chung tên Nguyễn Tất Minh H1, sinh ngày 28/10/2011 và Nguyễn Tất Minh K, sinh ngày 28/12/2015.

Bà Phan Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Bà Phan Thị Thanh H tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Tất T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tất T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Thanh H chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057971 ngày 22/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc